TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **78**/2026/HS-ST
Ngày 26-8-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Kim Thắng, ông Nguyễn Văn Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Thiên Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Phan Duy Công - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đà Nẵng, tiến hành mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 86/2026/TLST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1032/2026/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Hương G, sinh ngày XX tháng XX năm XXXX tại xã B, thành phố Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã B, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã D, thành phố Đà Nẵng; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; số CCCD X, cấp ngày XX/XX/XXXX tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; con ông Nguyễn L và bà Lê Thị N; bị cáo có chồng là Huỳnh N và có 02 con, con lớn sinh năm XXXX, con nhỏ sinh năm XXXX.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/4/2026. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố Đà Nẵng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được nhận định như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 18/4/2026, Nguyễn Thị Hương G đi bộ từ nhà ở thôn C, xã D, thành phố Đà Nẵng đến một đoạn đường bê tông cách nhà khoảng 01 km để tìm mua ma túy sử dụng. Tại đây, G gặp một người đàn ông tên "T" (không rõ nhân thân, lai lịch). Biết T có sử dụng ma túy Heroine nên G hỏi mua "05 phân" Heroine. T báo giá 2.500.000 đồng, G đồng ý và giao đủ tiền. T lấy trong túi quần một gói Heroine được bọc ngoài bằng bao ni lông, bên trong gói bằng giấy vở đưa

cho G. G cất gói ma túy vào túi xách rồi mang về nhà cất giấu nhằm mục đích sử dụng cho bản thân.

Sáng ngày 19/4/2026, G mang theo túi xách có gói ma túy, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH125i, biển kiểm soát X đi về hướng thành phố Tam Kỳ (cũ) để thăm người quen. Khi đến ngã ba đường tránh Quốc lộ 40B với đường đi vào nội thị trung tâm xã Tiên Phước, thuộc thôn Bình An, xã Tiên Phước, thành phố Đà Nẵng, G bị lực lượng Công an thành phố Đà Nẵng yêu cầu dừng xe kiểm tra. G tự nguyện khai báo và lấy gói ma túy trong túi xách giao nộp. Lực lượng Công an cân xác định gói thu giữ có khối lượng 2,23 gam, gồm cả bao ni lông và giấy gói, đồng thời lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Thị Hương G.

Tại Kết luận giám định số 813/KL-KTHS ngày 28/4/2026 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Chất rắn màu trắng dạng cục, bột bên trong túi niêm phong, mã số PS3 1927591 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, khối lượng 1,82 gam. Trong mẫu nước tiểu ghi thu của Nguyễn Thị Hương G bên trong túi niêm phong, mã số PS3 1927596 không tìm thấy chất ma túy và sản phẩm chuyển hóa từ ma túy.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tạm giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH125i, số máy X, số khung X, biển kiểm soát X, đã qua sử dụng, do G đứng tên sở hữu; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại iPhone 17 Pro Max, màu bạc, số IMEI X, gắn sim số X, đã qua sử dụng; 01 bì niêm phong số 813/KL-KTHS, bên ngoài có dấu đỏ của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, chữ ký, họ tên Phạm Thị Thu P, Lê Vũ Bảo H, bên trong có 1,56 gam Heroine còn lại sau giám định, vỏ bao ni lông và mảnh giấy vở học sinh.

Tại Bản cáo trạng số 54/CT-VKSKV7-HS ngày 03 tháng 8 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Hương G về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hương G từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung. Về vật chứng, đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy và bao gói còn lại sau giám định; trả lại cho bị cáo xe mô tô và điện thoại di động.

Bị cáo Nguyễn Thị Hương G thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét

xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Hương G khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Khoảng 11 giờ ngày 18/4/2026, Nguyễn Thị Hương G mua một gói ma túy khối lượng 1,82 gam từ người thanh niên không rõ lại lịch với giá 2.500.000 đồng, mục đích để sử dụng và đem về nhà cất giấu. Đến ngày 19/4/2026, G mang theo túi xách có gói ma túy, điều khiển xe lưu thông trên đường, khi đến thôn Bình An, xã Tiên Phước, thành phố Đà Nẵng thì bị lượng Công an dừng xe kiểm tra phát hiện bắt quả tang.

[3] Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ và niêm phong vật chứng, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập hợp pháp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị Hương G đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra thì thấy: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ Heroine là chất ma túy do Nhà nước nghiêm cấm tàng trữ trái phép nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội và là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Vì vậy, cần áp dụng cho bị cáo một hình phạt nghiệm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân tốt và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Gia đình bị cáo có công cách mạng; bị cáo đang nuôi 02 con nhỏ, chồng đang chấp hành án phạt tù là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức án thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ để răn đen bị cáo và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm lao động tự do, thu nhập không ổn định, đang nuôi 02 con nhỏ nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng vụ án:

Đối với 1,56 gam Heroine còn lại sau giám định cùng vỏ bao ni lông và mảnh giấy vở học sinh là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với xe mô tô Honda SH125i biển kiểm soát X và điện thoại iPhone 17 Pro Max đều thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo. Bị cáo không sử dụng điện thoại để

liên lạc mua ma túy, không sử dụng xe làm phương tiện trong việc mua, vận chuyển hoặc cất giấu ma túy. Dó đó chưa đủ căn cứ để xác định chiếc xe là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[8] Những vấn đề khác liên quan đến vụ án:

Đối với người đàn ông tên "T" mà bị cáo khai là người đã bán Heroine. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có căn cứ xử lý.

Đối với việc bị cáo khai đã sử dụng Heroine tại nhà khoảng 10 ngày trước ngày bị bắt. Kết quả xét nghiệm, giám định mẫu nước tiểu của bị cáo không phát hiện chất ma túy và sản phẩm chuyển hóa từ ma túy nên cơ quan tiến hành tố tụng không xử lý là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Hương G phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Bị cáo Nguyễn Thị Hương G 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 19/4/2026).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 bì niêm phong số 813/KL-KTHS, bên ngoài có dấu đỏ của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, chữ ký, họ tên Phạm Thị Thu P, Lê Vũ Bảo H; bên trong có 1,56 gam chất rắn màu trắng dạng cục, bột là Heroine còn lại sau giám định, vỏ bao ni lông và mảnh giấy vở học sinh.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Hương G: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH125i, số máy X, số khung X, biển kiểm soát X, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại iPhone 17 Pro Max, màu bạc, số IMEI X, gắn sim số X (các tài sản đã qua sử dụng).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Hương G phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/8/2026) để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 7 – Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT Công an TP.Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 7 – Đà Nẵng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Trung Thành